

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 141/2018/HNGĐ-ST

Ngày 28-11-2018

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Minh Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Thành Biên

Bà Nguyễn Thị Vinh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hương Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3628/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị A, sinh năm 1993; nơi ĐKHKTT: Xóm 4, thôn B, xã C, huyện D, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Nhật Bản; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn E, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn G, xã H, huyện D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn nộp 17-9-2018 và các văn bản khác nguyên đơn là Chị Đỗ Thị A trình bày: Chị A và Anh Nguyễn Văn E kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện D, thành phố Hải Phòng ngày 01-7-2016. Chị A và anh E chưa tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán thì ngày 06-7-2018, chị A sang Nhật Bản làm việc theo hợp đồng lao động. Sau khi sang Nhật Bản, thỉnh thoảng chị A và anh E có liên lạc nhưng luôn mâu thuẫn, cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai

vợ chồng không tin tưởng nhau; do khoảng cách địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không còn quan tâm đến nhau. Chị A nhiều lần trao với anh E để vợ chồng ly hôn. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị A xin ly hôn với anh E.

Tại bản trình bày ngày 08-10-2018, Anh Nguyễn Văn E xác nhận mối quan hệ giữa chị và anh E được xác lập như chị A trình bày. Ngay khi kết hôn được một tuần thì chị A sang Nhật Bản làm việc theo hợp đồng lao động. Từ khi sang Nhật Bản đến nay, chị A không quan tâm đến anh E và gia đình anh E. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng với chị A không còn nên anh E đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị A.

Về quan hệ nuôi con chung và tài sản chung: Chị A và anh E xác nhận quá trình chung sống không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị A và anh E vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Đỗ Thị A được ly hôn với Anh Nguyễn Văn E; về con chung và tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án về việc ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Do điều kiện ở xa, không thể có mặt trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án nên chị A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do điều kiện công việc, không thể có mặt tại phiên tòa xét xử vụ án nên anh E có đơn đề nghị Tòa án xét

xử vắng mặt. Đề nghị của chị A, anh E phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử vụ án vắng mặt chị A, anh E.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh E kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện D, thành phố Hải Phòng ngày 01-7-2016 nên là hôn nhân hợp pháp. Mặc dù đã đăng ký kết hôn nhưng thực tế anh E và chị A chưa tổ chức lễ cưới theo phong tục và chưa chung sống cùng nhau. Ngay sau khi đăng ký kết hôn, ngày 06-7-2018, chị A sang Nhật Bản làm việc theo hợp đồng lao động. Sau khi sang Nhật Bản, chị A và anh E ít liên lạc với nhau và thường cãi nhau. Nguyên nhân chính là do anh E và chị A phải sống xa nhau, không còn tin tưởng nhau. Tình cảm vợ chồng cũng vì thế mà ngày càng phai nhạt, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ nên cả chị A và anh E đều thống nhất ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm về việc ly hôn của chị A và anh E là tự nguyện, phù hợp với tình trạng thực tế mối quan hệ giữa họ và phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[4] Về quan hệ nuôi con chung và quan hệ tài sản chung: Chị A và anh E xác nhận không có, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật - Điều 146; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 146, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Chị Đỗ Thị A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Đỗ Thị A được ly hôn với Anh Nguyễn Văn E.

2. Về quan hệ nuôi con chung và quan hệ tài sản chung: Chị Đỗ Thị A và Anh Nguyễn Văn E xác nhận không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Đỗ Thị A phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0010869 ngày 25 tháng 9 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Đỗ Thị A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong thời hạn 01 tháng (Một tháng) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, Chị Đỗ Thị A có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, Anh Nguyễn Văn E có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã H, huyện D, TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Minh Phương**